

Bản án số: 13/2018/HS -ST

Ngày: 15-08-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Kính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hồng Đông

2. Bà Bùi Thị Linh

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Bùi Minh Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên toà:** Bà Bùi Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 08 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh ngày 09/12/1989

Tại: Xóm T – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình

Nơi cư trú: Xóm T – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn N, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị M, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1991 và có 01 con, sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/05/2018 đến nay, được trích xuất, có mặt tại phiên toà.

- **Người bị hại:** Đỗ Đình H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm Ô – Xã T – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bùi Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm T – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Bùi Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm T – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Quách Văn B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm T – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

+ Bùi Văn G, sinh năm 1993
Địa chỉ: Xóm R – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).
+ Bùi Thị L, sinh năm 1999
Địa chỉ: Xóm R – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Đỗ Đình Đ, sinh năm 2005
Địa chỉ: Xóm Ô – Xã T – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 05/5/2018, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô BKS 28S2-5739 của anh Quách Văn B, sinh năm 1989 là người cùng xóm đi từ xóm T, xã Phú L đến xóm Ô, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đến xóm Ô, T vào cửa hàng tạp hóa của anh Đỗ Đình H để mua thuốc lá. Tại đây, T mua 01 (một) bao thuốc lá và đưa tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) cho con trai anh H là cháu Đỗ Đình Đ, sinh năm 2005. Khi cháu Đ mở ngăn kéo đựng tiền của gia đình để trả lại tiền thừa. Lúc này T đã nảy sinh ý định trộm cắp nên đã quan sát để lấy trộm tiền. Sau khi cháu Đ để chìa khóa ngăn kéo lên trên bàn và cùng anh H đi vào nhà ăn cơm, lợi dụng lúc anh H và cháu Đ sơ hở, mất cảnh giác, không có ai trông coi, T liền lấy chìa khóa và đi về phía ngăn kéo, dùng chìa khóa mở ngăn kéo và lấy trộm số tiền 4.256.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi trộm cắp được tiền, T đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Bùi Văn G, sinh năm 1993, địa chỉ xóm R, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tại đây, T đã dùng 1.150.000đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) từ số tiền vừa trộm cắp được mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MOBII STAR, loại LAIZ1, màu đen, việc mua bán T thực hiện trực tiếp với vợ anh G là chị Bùi Thị L. Sau đó, T mang xe mô tô BKS 28S2-5739 trả cho anh Quách Văn B.

Ngày 06/5/2018, T đưa cho vợ là Bùi Thị H số tiền là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) và đưa cho mẹ đẻ là bà Bùi Thị M số tiền 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng). T đã tiêu sài cá nhân hết 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và giữ lại trong người là 996.000đ (chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Đến ngày 07/5/2018, Bùi Văn T đến công an huyện Lạc Sơn đầu thú về hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 996.000đ (chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Quá trình điều tra đã làm rõ trách nhiệm của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Bùi Thị L, Bùi Thị H, Bùi Thị M, Quách Văn B. Nhận thấy không đủ cơ sở xem xét những người này nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Bùi Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Đình H đã nhận lại số tiền 2.906.000đ (hai triệu chín trăm linh sáu nghìn đồng) do bị cáo và những người liên quan khác giao nộp lại và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại.

*** Vật chứng của vụ án gồm:**

- + 01 (một) áo dài tay, màu trắng sữa.
- + 01 (một) áo lót (ba lỗ), màu xanh đen.
- + 01 (một) quần bò màu xanh (dạng quần ngố, ống dài đến đầu gối).
- + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MOBII STAR, loại LAI Z1, màu đen, đã qua sử dụng do Bùi Văn T giao nộp.

- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ SIRIUS, màu xanh đen, BKS 28S2-5739, không có gương chiếu hậu, hai bên xe nhựa đã cũ, xe đã qua sử dụng, máy móc bên trong không kiểm tra.

- + 01(một) thiết bị lưu trữ USB, dung lượng 8GB (ghi hình đối tượng khi thực hiện hành vi trộm cắp) do anh Đỗ Đình H giao nộp.

- + 01 (một) thiết bị lưu trữ USB, dung lượng 4GB (ghi hình đối tượng khi dùng một phần tiền trộm cắp được để mua điện thoại di động) do anh Bùi Văn G giao nộp

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 17 tháng 07 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã truy tố Bùi Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Lạc Sơn, sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 06 đến 09 tháng tù và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

Bị cáo Bùi Văn T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Lạc Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản thu giữ và niêm phong đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử; lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 19 giờ ngày 05/5/2018 tại xóm Ô, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Bùi Văn T lợi dụng sơ hở không có người trông coi nên đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 4.256.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) của anh Đỗ Đình H trú tại địa chỉ trên để tiêu sài cá nhân. Vì vậy, việc bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn T phạm tội “trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi mà Bùi Văn T thực hiện đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự của nước CHXHCN Việt Nam nghiêm cấm và bảo vệ. Đồng thời hành vi mà bị cáo thực hiện còn gây mất trật tự an ninh trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được tính chất, mức độ sai trái do hành vi gây ra. Song vì lười lao động, muốn kiếm tiền một cách bất chính nên lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 4.256.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Lỗi của bị cáo trong vụ án này là cố ý trực tiếp. Do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

[4] Xét nhân thân, bị cáo Bùi Văn T trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo là đối tượng nghiện ma túy đang thuộc diện quản lý, giáo dục tại địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; bị cáo đã tự nguyện giao nộp một phần số tiền chiếm đoạt; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Mặt khác khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), gia đình thuộc diện hộ nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự trong quá trình lượng hình.

[6] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Bùi Thị L, Bùi Thị H, Bùi Thị M, Quách Văn B. Xét thấy những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa có đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm của những người này. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết cụ thể của vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo cũng như đáp ứng mục đích đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên địa bàn là cần thiết.

[8] Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Song xem xét cụ thể trường hợp của bị cáo, xét thấy việc áp dụng

hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không có tính khả thi. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Đỗ Đình H đã nhận lại số tiền 2.906.000đ (hai triệu chín trăm linh sáu nghìn đồng) và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 01 (một) áo dài tay, màu trắng sữa; 01 (một) áo lót (ba lỗ) màu xanh đen; 01 (một) quần bò màu xanh (dạng quần ngố, ống dài đến đầu gối) là tài sản hợp pháp của bị cáo có giá trị chứng minh tội phạm. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã làm rõ, bị cáo thừa nhận và từ chối nhận lại những vật chứng này. Xét thấy các vật chứng trên không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MOBII STAR, loại LAIZ1, màu đen, đã qua sử dụng do Bùi Văn T giao nộp. Xét thấy đây là vật do bị cáo mua bán từ tiền phạm tội mà có. Do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ SIRIUS, màu xanh đen, biển kiểm soát 28S2-5739, không có gương chiếu hậu, hai bên xe nhựa đã cũ, xe đã qua sử dụng. Xét thấy đây là tài sản thuộc quyền quản lý hợp pháp của anh Quách Văn B, sinh năm 1989, Địa chỉ: Xóm T – Xã P – Huyện L– Tỉnh Hòa Bình, anh B cho bị cáo T mượn xe nhưng không biết mục đích là gì. Do đó cần trả lại chiếc xe trên cho anh Quách Văn B.

+ Đối với 01 (một) thiết bị lưu trữ USB, dung lượng 8GB (ghi hình đối tượng khi thực hiện hành vi trộm cắp) do anh Đỗ Đình H giao nộp và 01 (một) thiết bị lưu trữ USB, dung lượng 4GB (ghi hình đối tượng khi dùng một phần tiền trộm cắp được để mua điện thoại di động) do anh Bùi Văn G giao nộp. Xét thấy đây là đồ vật có chứa dữ liệu điện tử là chứng cứ quan trọng có liên quan tới việc chứng minh tội phạm, mặt khác chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Đình H và Bùi Văn G từ chối nhận lại tài sản trên. Do đó chỉ cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn tiếp tục bảo quản như vật chứng các đồ vật trên.

[11] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T thuộc diện hộ nghèo và có đơn, ý kiến xin miễn án phí nên có cơ sở miễn toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/05/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106; khoản 5 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để xuất huỷ đối với: 01 (một) áo dài tay, màu trắng sữa; 01 (một) áo lót (ba lỗ) màu xanh đen; 01 (một) quần bò màu xanh (dạng quần ống, ống dài đến đầu gối)

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MOBII STAR, loại LAIZ1, màu đen, đã qua sử dụng.

+ Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe nữ SIRIUS, màu xanh đen, biển kiểm soát 28S2-5739, không có gương chiếu hậu, hai bên xe nhựa đã cũ, xe đã qua sử dụng cho anh Quách Văn B, sinh năm 1989, Địa chỉ: Xóm T – Xã P – Huyện L – Tỉnh Hòa Bình.

+ Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn tiếp tục bảo quản như vật chứng đối với: 01 (một) thiết bị lưu trữ USB, dung lượng 8GB (ghi hình đối tượng khi thực hiện hành vi trộm cắp) do anh Đỗ Đình H giao nộp và 01 (một) thiết bị lưu trữ USB, dung lượng 4GB (ghi hình đối tượng khi dùng một phần tiền trộm cắp được để mua điện thoại di động) do anh Bùi Văn G giao nộp.

(Vật chứng, đồ vật, tài liệu có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa công an huyện Lạc Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn ngày 18/07/2018)

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn T.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c)
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Lạc Sơn
- Công an huyện Lạc Sơn
- Chi cục THADS Lạc Sơn
- UBND xã P
- Bị cáo; bị hại
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.
- Hồ sơ vụ án
- Lưu TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Bùi Văn Kỉnh

